

đó hoàn thiện hơn nữa việc chăm sóc người bệnh an toàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **De Souza AB, Röhsig V, Maestri RN, et al.** In hospital falls of a large hospital. BMC Research Notes. 2019;12(1):284. doi:10.1186/s13104-019-4318-9
2. **Hart LA, Phelan EA, Yi JY, Marcum ZA, Gray SL.** Use of Fall Risk-Increasing Drugs Around a Fall-Related Injury in Older Adults: A Systematic Review. J Am Geriatr Soc. 2020;68(6):1334-1343. doi:10.1111/jgs.16369
3. **Bộ Y tế.** Báo cáo chung tổng quan ngành y tế 2016. Hướng tới mục tiêu già hoá khoẻ mạnh ở Việt Nam. Nhà xuất bản Y học Hà Nội; 2018.
4. **Asiri F, ALMohiza MA, Faia Aseeri M, et al.** Fall prevention knowledge and practice patterns among home healthcare professionals in southern Saudi Arabia: an observational study. J Int Med Res. 2018;46(12):5062-5073. doi:10.1177/0300060518789816
5. **Le QT, Tran-Thi HG, Tran MK.** An Assessment of the Nurses' Knowledge and Practices of Inpatient Fall Prevention. int arch med. 2020;13. doi:10.3823/2622
6. **Thái Thị Thanh Huyền.** Kiến Thức, Thái Độ và Thực Hành Phòng Ngã Của Điều Dưỡng Tại Bệnh Viện Hữu Nghị. Nhà xuất bản Y học Hà Nội; 2022.
7. **Ganabathi M, Mariappan U, Mustafa H.** Nurses' Knowledge, Attitude and Practices on Fall Prevention in King Abdul Aziz Hospital, Kingdom of Saudi Arabia. Nur Primary Care. 2017;1(7):1-6. doi:10.33425/2639-9474.1045
8. **Hạnh LTN, Trung VN, Nga VTT, Thủy VT, Hòa ĐTK, Phước lth.** Kiến thức, thái độ và thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh trước phẫu thuật. Published online 2022.

ĐÁNH GIÁ TÁC DỤNG GIẢM BÉO PHÌ CỦA CAO LÁ VÀ CAO HOA TRÀ HOA VÀNG (CAMELLIA FLAVA (PITARD) SEALY) TRÊN MÔ HÌNH BÉO PHÌ TRÊN CHUỘT NHẮT TRẮNG BẰNG CHẾ ĐỘ ĂN GIÀU BÉO

Nguyễn Hữu Lạc Thủy¹, Khuru Minh Hiền¹, Nguyễn Hào Khang¹,
Trương Minh Nhật¹, Nguyễn Thanh Bình^{2,3}, Mai Huỳnh Như¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu tác dụng giảm béo phì của cao lá và cao hoa trà hoa vàng (*Camellia flava*) trên mô hình béo phì ở chuột nhắt trắng bằng chế độ ăn giàu béo. **Phương pháp nghiên cứu:** Cao đặc được chiết xuất từ lá và hoa trà hoa vàng (THV) *Camellia flava* (Pitard) Sealy, họ Trà (Theaceae) cung cấp bởi công ty CPĐTTM Trường Dương. Tác dụng giảm béo phì của cao lá và cao hoa THV được khảo sát trên mô hình chuột nhắt trắng gây béo phì bằng chế độ ăn giàu béo. Các chuột được cho ăn chế độ giàu béo (40% béo) trong 2 tháng. Sau 2 tháng, chọn chuột có trọng lượng $\geq 40\%$ cân nặng so với nhóm chứng với chế độ ăn tiêu chuẩn được chia ngẫu nhiên vào 5 nhóm bao gồm: nhóm sinh lý, nhóm béo phì (HFD), nhóm chứng dương (orlistat) và 2 nhóm điều trị với các liều 1 (g/kg) cao lá THV và 0,1 (g/kg) cao hoa THV. **Kết quả:** Các nhóm chuột uống cao lá và cao hoa THV cho tác dụng giảm béo phì có ý nghĩa thống kê đồng thời cải thiện các chỉ số lipid huyết và mô học gan. **Kết luận:** Cao chiết lá và hoa THV *Camellia flava* có tác dụng giảm béo phì trên chuột nhắt trắng được gây béo phì bằng chế độ ăn giàu béo.

Từ khóa: béo phì, trà hoa vàng *Camellia flava*,

chế độ ăn giàu béo, chuột nhắt trắng, giảm cân.

SUMMARY

EVALUATE THE AMELIORATIVE EFFECT OF CAMELLIA FLAVA LEAF AND FLOWER EXTRACT ON HIGH-FAT DIET-INDUCED OBESITY ON SWISS ALBINO MICE

Objectives: Evaluating the anti-obesity effect of *Camellia flava* leaf and flower extract on high-fat diet-induced obesity in Swiss albino mice. **Methods:** Concentrated extracts from the leaf and flower of *Camellia flava* (Pitard) Sealy, Theaceae, were provided by Truong Duong Trading Investment Joint Stock Company. The ability of leaf and flower extracts to alleviate obesity induced by a high-fat diet (HFD) was studied using Swiss albino mice. After 2 months of being fed a higher fat content diet (40%), mice with the body weight 40% higher than their control counterparts receiving a standard diet of less than 5% lipid were divided into 5 groups, including control, HFD group, orlistat group, and 2 treatment groups receiving *Camellia flava* leaf extract of 1 g/kg and flower extract of 0,1 g/kg. **Results:** Groups of mice treated with both extracts exhibited a reduction of obesity along with improvements of blood lipid and liver histology. **Conclusion:** The leaf and flower extract have an anti-obesity effect on high-fat diet-induced obesity in Swiss albino mice.

Keywords: obesity, *Camellia flava*, high-fat diet, Swiss albino mice, weight loss.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

²Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

³Đại học Thủ Dầu Một

Chịu trách nhiệm chính: Mai Huỳnh Như

Email: mnhnu@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 01.8.2024

Ngày phản biện khoa học: 10.9.2024

Ngày duyệt bài: 7.10.2024

(WHO) năm 2022, có khoảng 2,5 tỷ người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên bị thừa cân, trong đó có hơn 890 triệu người trưởng thành mắc bệnh béo phì. Tỷ lệ béo phì trên toàn thế giới đã tăng hơn gấp đôi từ năm 1990 đến năm 2022 [1]. Béo phì là tình trạng chất béo trong cơ thể tích tụ bất thường hoặc quá mức và là một trong những yếu tố nguy cơ của các bệnh mạn tính như đái tháo đường, tăng huyết áp, rối loạn lipid huyết...

Mô hình gây béo phì trên chuột nhắt trắng [2] bằng chế độ ăn chứa 40% - 60% hàm lượng chất béo (HFD) đã được chuẩn hóa bởi tác giả Võ Lê Mai Phương và cộng sự [3]. Đây là một phương pháp dễ thực hiện, đáng tin cậy, có độ đồng đều, độ lặp lại và chi phí hợp lý để mô phỏng tình trạng béo phì của người.

Trà hoa vàng (THV) được biết đến như một dược liệu quý tại Việt Nam bởi các hợp chất trong loài như polyphenol, flavonoid, tanin,... thể hiện nhiều tác dụng quý như hạ đường huyết, chống oxy hóa, kháng khuẩn,... [4]

THV là loài đặc hữu được trồng ở nhiều tỉnh tại Việt Nam nhưng hiện nay chưa có nghiên cứu nào được thực hiện về tác dụng giảm béo phì của lá và hoa của trà hoa vàng. Do đó, nghiên cứu được thực hiện với mục đích tận dụng nguồn dược liệu quý này để phát triển thành các sản phẩm định hướng tác dụng hỗ trợ giảm béo phì.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nguyên liệu nghiên cứu: Lá và hoa của loài THV *Camellia flava* (Pitard) Sealy được cung cấp bởi công ty CPĐTTM Trường Dương vào tháng 01/2022.

Đối tượng nghiên cứu: Cao chiết lá và hoa của THV *Camellia flava* (Pitard) Sealy được chiết xuất bằng phương pháp ngâm kiệt với dung môi ethanol 70% và thu hồi dung môi thành cao đặc có độ ẩm lần lượt là 18,60% (cao lá) và 19,75% (cao hoa). Cao chiết lá và hoa được chiết tại bộ môn Hóa phân tích-kiểm nghiệm, khoa Dược, Đại học Y Dược TP. HCM

Động vật thử nghiệm: Chuột nhắt trắng ở cả 2 giới, chủng Swiss albino, 4 tuần tuổi, khỏe mạnh, khối lượng từ $14 \pm 0,5$ (g) do viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh cung cấp. Chuột được nuôi ổn định ở nhiệt độ phòng một tuần trước khi tiến hành thử nghiệm. Thức ăn và nước uống được cung cấp mỗi ngày. Thí nghiệm được thực hiện tại bộ môn Dược lý, khoa Dược, Đại học Y Dược TP. HCM từ tháng 04.2022 đến tháng 07.2022.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Mô hình thử nghiệm

Giai đoạn 1: Chuột được nuôi theo chế độ thức ăn giàu chất béo (40% béo) (HFD) trong 2 tháng. Sau 2 tháng, chọn chuột có trọng lượng $\geq 40\%$ cân nặng [2] so với nhóm chứng với chế độ ăn tiêu chuẩn (<5% béo) được lựa chọn cho thí nghiệm ở giai đoạn 2.

Giai đoạn 2: Khảo sát tác dụng giảm béo phì trong 30 ngày trên chuột đã được gây béo phì ở giai đoạn 1. Chuột được chia ngẫu nhiên thành 5 nhóm, mỗi nhóm 8 - 10 chuột.

Bảng 1: Các nhóm chuột trong thử nghiệm khảo sát tác dụng giảm béo phì của cao lá và cao hoa THV ở giai đoạn 2

Nhóm	Nội dung thí nghiệm
Sinh lý	Chuột ăn chế độ ăn tiêu chuẩn (<5% béo – thức ăn của viện Pasteur Nha Trang)
HFD	Chuột tiếp tục được cho ăn chế độ ăn béo (HFD)
Cao hoa THV	Chuột tiếp tục cho ăn chế độ HFD + uống cao đặc hoa THV liều 0,1g/kg/lần/ngày
Cao lá THV	Chuột tiếp tục cho ăn chế độ HFD + uống cao đặc lá THV liều 1g/kg/lần/ngày
Orlistat	Chuột tiếp tục cho ăn chế độ HFD + cho uống Orlistat liều 10 mg/kg/lần/ngày

2.2.2. Các chỉ số sinh hóa: cholesterol toàn phần, triglycerid, LDL-C, HDL-C

Các mẫu huyết thanh được phân tích các chỉ số sinh hóa như cholesterol toàn phần, triglycerid, LDL-C, HDL-C theo hướng dẫn của nhà sản xuất, máy phân tích hóa học bán tự động Mindray BA 88A (Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronic Co., Ltd., Shenzhen 518057, P.R. China).

2.2.3. Mô học gan H&E. Sau khi kết thúc điều trị, chuột được giải phẫu thu mẫu gan. Mẫu gan được ngâm trong 10% formaldehyde để đánh giá mô học bằng phương pháp nhuộm Hematoxylin và Eosin (H&E).

2.2.4. Thống kê. Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 27.0. Các biến được trình bày dưới dạng trung bình \pm sai số chuẩn. Sử dụng ANOVA để so sánh các giá trị trung bình và hậu kiểm Tukey để so sánh khác biệt giữa các nhóm, $p < 0,05$ được coi là khác biệt có ý nghĩa thống kê.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khảo sát tác dụng của cao lá và cao hoa trên mô hình béo phì trên chuột nhắt trắng bằng chế độ ăn giàu chất béo.

Bảng 2: Trọng lượng các nhóm chuột trong 30 ngày ở giai đoạn 2

Thời điểm \ Lô chuột	Sinh lý	HFD	Cao hoa THV	Cao lá THV	Orlistat
Ngày 1	24,3±0,39	35,33±0,76****	35,08±0,54 ****	34,93±0,73 ****	36,15±0,57 ****
Ngày 6	24,2±0,68	34,61±0,55****	29,03±1,06 ***###	30,86±0,83 ****##	33,76±0,50 ****
Ngày 12	25,1±0,46	35,72±0,55****	30,10±1,54 **###	29,87±0,89 **###	30,91±0,59 ****###
Ngày 18	25,9±1,06	36,14±0,57****	29,63±1,45 ###	30,26±0,69* ###	33,08±0,51 ****
Ngày 24	25,0±0,79	33,29±0,79****	28,09±0,99 ###	29,83±0,78 **#	34,20±0,62 ****
Ngày 30	28,3±0,85	37,65±0,93****	27,31±1,09 ###	28,83±0,94 ###	32,3±0,80 ##

*: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$; ****: $p < 0,0001$ so với lô sinh lý. #: $p < 0,05$; ##: $p < 0,01$; ###: $p < 0,001$; ####: $p < 0,0001$ so với lô HFD.

Nhận xét: Chuột béo phì ở giai đoạn 1 được chọn toàn bộ và phân nhóm ngẫu nhiên vào các nhóm ở giai đoạn 2 như mô tả ở mục 2.1. Kết quả sau hơn 1 tháng dùng thuốc và cao trà hoa vàng được thể hiện ở bảng 2. Trong đó, trọng lượng chuột được điều trị bằng cao lá THV 1g/kg, cao hoa THV 0,1g/kg, orlistat 10mg/kg có xu hướng giảm. Đặc biệt trọng lượng nhóm chuột béo phì được điều trị bằng cao lá THV

1g/kg, cao hoa THV 0,1g/kg khác biệt có ý nghĩa thống kê với nhóm HFD từ ngày 6 và kéo dài đến khi kết thúc thí nghiệm (bảng 2). Ở ngày 30 trọng lượng chuột nhóm điều trị bằng cao lá THV 1g/kg, cao hoa THV 0,1g/kg, và nhóm orlistat khác biệt không có ý nghĩa thống kê với trọng lượng nhóm sinh lý. Nhóm điều trị cao hoa THV thể hiện tác dụng giảm béo phì tốt hơn với nhóm cao lá THV và orlistat nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

3.2. Kết quả các chỉ số sinh hóa. Kết quả chỉ số lipid máu chuột ở 5 lô sau 30 ngày điều trị ở giai đoạn 2 được thể hiện trong bảng 3 dưới đây.

Bảng 3: Chỉ số cholesterol toàn phần, triglyceride, LDL-C và HDL-C của các nhóm chuột thí nghiệm

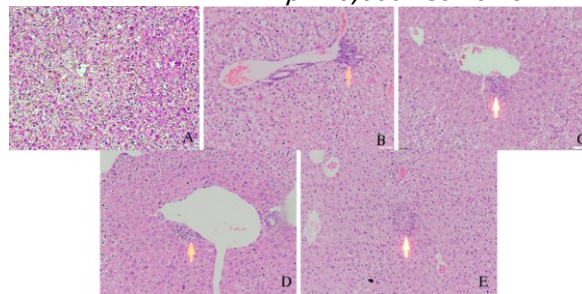
Chỉ số lipid máu \ Lô chuột	Sinh lý	HFD	Cao hoa THV	Cao lá THV	Orlistat
Cholesterol toàn phần	1,33 ± 0,10	3,48±0,30****	1,53±0,09####	1,41±0,17####	1,50±0,22####
Triglycerid	1,01 ± 0,11	2 ± 0,14*	0,76 ± 0,07##	1,17 ± 0,35	1,50 ± 0,27
LDL-C	0,31 ± 0,05	0,60 ± 0,05**	0,35 ± 0,07#	0,37 ± 0,05#	0,38 ± 0,03#
HDL-C	1,31 ± 0,05	1,07 ± 0,08	1,34 ± 0,07	1,13 ± 0,10	1,34 ± 0,17

*: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ****: $p < 0,0001$ so với lô sinh lý. #: $p < 0,05$; ##: $p < 0,01$; ####: $p < 0,0001$ so với lô HFD.

Nhận xét: Cholesterol toàn phần, triglycerid và LDL-C ở nhóm HFD khác biệt có ý nghĩa so với nhóm sinh lý. Các nhóm điều trị bằng cao hoa THV, cao lá THV và orlistat đều thể hiện tác dụng làm giảm các chỉ số cholesterol toàn phần và LDL-C có ý nghĩa thống kê so với lô HFD. Với chỉ số triglycerid, cao hoa THV thể hiện hoạt tính hạ tốt hơn so với cao lá THV và orlistat. Chỉ số HDL-C có sự tăng ở các nhóm điều trị bằng cao hoa THV, cao lá THV, orlistat so với lô HFD không có ý nghĩa thống kê.

3.3. Kết quả nhuộm mô học gan H&E

Hình 1: Hình ảnh vi thể gan chuột tại thời điểm 30 ngày sau kết thúc giai đoạn 2 (A: Lô sinh lý, B: Lô HFD, C: Lô cao hoa THV, D: Lô cao lá THV, E: Lô Orlistat. Mũi tên chỉ vị trí viêm)



Nhận xét: Kết quả vi phẫu mô gan cho thấy nhu mô gan chuột nhóm HFD có sự tích tụ mỡ trong bào tương trên diện rộng và các vị trí hoại tử trong tiểu thùy, quanh tĩnh mạch trung tâm và quanh khoảng cửa so với lô sinh lý. Các lô điều trị và lô chứng dương cho thấy sự cải thiện tình trạng tích tụ mỡ cũng như tình trạng viêm

và hoại tử mô gan. Tất cả các lô đều không cho thấy sự xơ hóa mô tế bào gan.

Bảng 4: Đánh giá mức độ viêm của gan ở các lô chuột

Chỉ tiêu	Lô chuột	Sinh lý	HFD	Cao hoa THV	Cao lá THV	Orlistat
Hoại tử quanh khoảng cửa		0,83 ± 0,16	1,57 ± 0,29*	1,00 ± 0,00	1,00 ± 0,00	1,00 ± 0,00
Hoại tử quanh TMTT		0,83 ± 0,16	2,14 ± 0,14***	1,67 ± 0,33	1,83 ± 0,17	1,00 ± 0,00##
Hoại tử trong tiểu thùy		1,16 ± 0,30	1,85 ± 0,14	1,67 ± 0,21	1,83 ± 0,17	1,28 ± 0,21
Viêm khoảng cửa		1,00 ± 0,16	0,63 ± 0,15	1,00 ± 0,00	1,00 ± 0,00	1,00 ± 0,00
Mức độ xơ hóa		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

*: $p < 0,05$; ***: $p < 0,001$ so với lô sinh lý; #: $p < 0,01$ so với lô HFD.

Kết quả nhuộm mô học H&E được đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá theo Ishark Modified HAI [6]

Nhận xét: Mức độ viêm gan ở nhóm HFD thuộc mức độ nhẹ, có xuất hiện hoại tử ở khoảng cửa, TMTT và tiểu thùy nhưng không có tình trạng xơ hóa; khác biệt có ý nghĩa so với nhóm sinh lý. Và sự viêm, hoại tử được giảm nhẹ bởi cao lá THV liều 1g/kg và cao hoa THV liều 0.1g/kg cũng như orlistat với liều điều trị sau thời gian điều trị 30 ngày.

IV. BÀN LUẬN

Cao lá và cao hoa THV có nhiều chất chống oxy hóa như polyphenol, flavonoid như rutin, quercetin..., thể hiện tác dụng chống viêm, giảm béo, giảm cholesterol, triglycerid và LDL-cholesterol hiệu quả. Tác dụng giảm béo thể hiện rõ từ sau 1 tuần đầu khi sử dụng, làm giảm trọng lượng của chuột hiệu quả sau gần 30 ngày điều trị. Và sự giảm viêm, giảm hoại tử ở gan cũng có thể lý giải do sự tiêu hủy chất béo, làm giảm hấp thu, tích tụ chất béo trong gan. Tác dụng giảm các chỉ số lipid máu của cao hoa và lá THV tương tự với dầu chiết từ loài *Camellia oleifera* [7].

Nghiên cứu này cho thấy tác dụng giảm béo phì của cao lá và cao hoa THV đã được thể hiện rõ bên cạnh tác dụng hạ đường huyết của cao hoa THV đã được chứng minh bởi tác giả Nguyễn Quốc Thái và cộng sự [8], cho thấy đây là một dược liệu quý với nhiều tác dụng dược lý đã được chứng minh qua các mô hình gây bệnh trên động vật và có thể là tiền đề để phát triển thành các chế phẩm hỗ trợ trong điều trị béo phì, rối loạn lipid huyết.

V. KẾT LUẬN

Cao hoa và cao lá trà hoa vàng *Camellia flava* có tác dụng giảm béo phì thông qua việc giảm trọng lượng chuột trong mô hình gây béo phì bằng chế độ ăn giàu béo (40 % chất béo) và giảm cholesterol toàn phần, triglycerid và LDL-cholesterol ở liều thấp 0,1 g/kg (cao hoa) và 1

g/kg (cao lá) đồng thời còn có tác dụng giảm viêm, giảm sự tích tụ mỡ ở gan gây ra do chế độ ăn giàu lipid.

VI. LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trường Dương, 160 Trường Công Định, Phường 14, Quận Tân Bình đã tài trợ nguyên liệu là lá và hoa của cây Trà Hoa Vàng cho nghiên cứu này. Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của bộ môn Dược lý, khoa Dược, đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- World Health Organization.** Obesity and overweight. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/obesity-and-overweight>. Accessed April 30, 2024.
- Nilofar H, Louise T.** High-fat diet-induced obesity in animal models. *Nutrition Research Reviews*. 2010;23(2):270-299.
- Võ Lê Mai Phương, Nguyễn Hào Khang, Mai Huỳnh Như.** Khảo sát mô hình gây béo phì trên chuột nhắt (Swiss albino) bằng chế độ ăn giàu lipid với tỉ lệ hàm lượng béo khác nhau. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023;520(1B):334-338.
- Trương Minh Nhật, Nguyễn Hoàng Thảo My, Nguyễn Hữu Lạc Thủy.** Định danh, sơ bộ xác định thành phần và tác dụng của loài Trà Hoa Vàng (*Camellia flava*) trồng tại Tây Nguyên. *Tạp chí Kiểm Nghiệm thuốc - Số 3.2022*;20(77):12-18.
- Dimiter Avtanski, Valentin A. Pavlov; Kevin J. Tracev et. al.** Characterization of inflammation and insulin resistance in highfat diet-induced male C57BL/6J mouse model of obesity. *Animal Models and Experimental Medicine*. 2019;2(4):252-258.
- Brunt EM.** Grading and staging the histopathological lesions of chronic hepatitis: the Knodell histology activity index and beyond. *Hepatology*. 2000 Jan;31(1):241-246.
- Chilakala R, Moon HJ, Kim K, Yang S, Cheong SH.** Anti-obesity effects of *Camellia oleifera* (Abel) oil treatment on high-fat diet-induced obesity in C57BL/6J mice. *Phys Act Nutr*. 2023;27(2):50-61.
- Nguyễn Quốc Thái, Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Hà Thị Thu Phương, Khưu Minh Hiền, Trương Minh Nhật, Trương Văn Đạt, Mai Huỳnh Như.** Khảo sát độc tính cấp và đánh giá tác dụng hạ đường huyết của cao Trà Hoa Vàng (*Camellia flava*) trên mô hình gây tăng đường huyết trên chuột nhắt trắng bằng alloxan. *Tạp Chí Y học Việt Nam*. 2023;527(1B):316-319.

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐAU KHI THỰC HIỆN THỦ THUẬT CỦA NGƯỜI BỆNH THỞ MÁY TẠI KHOA HỒI SỨC NGOẠI THẦN KINH, BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

Hoàng Thị Thu Thanh^{1,2}, Nguyễn Văn Chinh¹, Huỳnh Thị Phụng³,
Nguyễn Thị Thanh Tâm², Nguyễn Thị Như Mai², Phạm Thị Thu Hằng²,
Lê Thị Hoàn², Phạm Thị Nhã Phương², Ka Thơm², Trần Thị Phương Dung²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá mức độ đau của người bệnh (NB) thở máy khi nghỉ ngơi và khi điều dưỡng (ĐD) thực hiện các thủ thuật chăm sóc hằng ngày. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu (NC) cắt ngang mô tả trên 295 NB thở máy tại Khoa Hồi sức Ngoại thần kinh (HSNTK), Bệnh viện Chợ Rẫy trong khoảng thời gian từ tháng 11/2023 đến 06/2024, thỏa các tiêu chí chọn mẫu và thân nhân đồng ý tham gia NC. Dữ liệu được thu thập thông qua quan sát và ghi nhận điểm đau tại ba thời điểm: trước, trong và sau khi thực hiện thủ thuật. **Kết quả:** Tỷ lệ NB có mức độ đau vừa và nặng khi đang nghỉ ngơi như: trước khi hút đàm 12,5% và 1,4%; trước khi vệ sinh răng miệng (VSRM) 7,1% và 0,3%; trước khi xoay trở 7,5% và 0,3%; và 5,1% NB có mức độ đau vừa trước khi tắm bệnh. Khi thực hiện thủ thuật, tỷ lệ NB có biểu hiện đau tăng lên: khi hút đàm 51,9% và 36,6%; khi VSRM 65,1% và 11,2%; khi xoay trở 65,4% và 19,7%; khi tắm tại giường 41,4% và 3,7%. Sau khi thực hiện thủ thuật, một số NB vẫn còn biểu hiện đau vừa và nặng: sau hút đàm 15,2% và 1,4%, sau xoay trở 7,5% và 0,3%; sau khi tắm tại giường 3,7% và 0,3%; sau VSRM 5,8% NB có mức độ đau vừa. Hút đàm khí quản và xoay trở là 2 thủ thuật gây đau đớn nhất, tiếp theo là VSRM và tắm bệnh. **Kết luận:** Mức độ đau của NB trong quá trình thở máy và thực hiện các thủ thuật là một vấn đề cần được quan tâm. Các biện pháp chăm sóc giảm đau cần được áp dụng để nâng cao chất lượng chăm sóc và cải thiện sự thoải mái cho NB. **Từ khóa:** Mức độ đau, người bệnh thở máy, thực hiện thủ thuật, ICU

SUMMARY

ASSESSMENT OF PAIN LEVELS DURING PROCEDURES IN MECHANICALLY VENTILATED PATIENTS IN THE NEUROSURGICAL INTENSIVE CARE UNIT, CHO RAY HOSPITAL

Objectives: To assess the pain levels of mechanically ventilated patients at rest and during daily nursing care procedures. **Methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted on 295 mechanically ventilated patients in the Neurosurgery Intensive Care Unit at Cho Ray Hospital from

November 2023 to June 2024. Patients who met the inclusion criteria and whose relatives agreed to participate in the study were included. Data were collected through observation and recording pain scores at three time points: before, during, and after performing the procedures. **Results:** The percentage of patients experiencing moderate and severe pain at rest was as follows: before suctioning (12.5% and 1.4%); before oral care (7.1% and 0.3%); before repositioning (7.5% and 0.3%); and 5.1% of patients had moderate pain before bathing. During the procedures, the percentage of patients showing pain increased: during suctioning (51.9% and 36.6%); during oral care (65.1% and 11.2%); during repositioning (65.4% and 19.7%); and during bed bathing (41.4% and 3.7%). After the procedures, some patients still exhibited moderate and severe pain: after suctioning (15.2% and 1.4%); after repositioning (7.5% and 0.3%); after bed bathing (3.7% and 0.3%); and 5.8% of patients had moderate pain after oral care. Tracheal suctioning and repositioning were the most painful procedures, followed by oral care and bathing. **Conclusions:** Pain levels in mechanically ventilated patients during procedures are a significant concern. Pain management measures should be implemented to improve the quality of care and enhance patient comfort. **Keywords:** Pain level, ventilated patients, performing procedure, ICU

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đau phổ biến đối với NB trong các đơn vị chăm sóc tích cực (ICU) do thường xuyên tiếp xúc với nhiều thủ thuật xâm lấn và không xâm lấn được lặp đi lặp lại hằng ngày với mục đích chẩn đoán hoặc điều trị, là yếu tố gây căng thẳng hàng đầu ở các NB ICU.⁽¹⁾ Tại Hoa Kỳ, hơn 5 triệu NB nhập vào ICU hằng năm và ước tính hơn 71% NB này có ký ức về nỗi đau.^(2,3) Khoảng 20,7% - 61% NB trong ICU có đau khi nghỉ ngơi và tỷ lệ này tăng lên 60,3% thậm chí 94% NB bị đau khi thực hiện các thủ thuật chăm sóc thông thường.⁽¹⁻⁶⁾ Đau không được kiểm soát có tác động tiêu cực đến các hệ thống khác nhau của cơ thể, dẫn đến suy giảm miễn dịch, phục hồi chậm, thở máy kéo dài, tăng chi phí điều trị, tăng thời gian nằm viện và tăng tỷ lệ tử vong.^(3,5) Như bất kỳ NB nào khác, NB trong ICU đều có quyền được điều trị đau, nhưng để tôn trọng quyền này, cần phải xác định và đánh giá chính xác cơn đau. Đánh giá chính xác mức độ đau có tác động tích cực đến kết quả lâm sàng NB: sử

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

²Bệnh viện Chợ Rẫy

³Viện Đào tạo Y Dược An Sinh

Chịu trách nhiệm chính: Hoàng Thị Thu Thanh

Email: htthanh28cr@gmail.com

Ngày nhận bài: 01.8.2024

Ngày phản biện khoa học: 9.9.2024

Ngày duyệt bài: 4.10.2024